

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-4-2020.

“V/v chị T xin ly hôn với anh H”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thủy.

2. Bà Lê Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị T Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Thôn R, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú: Xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc H, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn R, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Vắng mặt chị T và anh H, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03-12-2019; bản tự khai ngày 16-12-2019 và lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Trần Quốc H đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 19-3-2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn chị và anh H sinh sống tại thôn R, xã L, huyện V và vợ, chồng đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được đến hết năm 2018, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do chị và anh H tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm sống; ngoài ra còn do anh H chơi bời cờ, bạc dẫn đến phải vay mượn tiền của người khác mà không tự trả nợ

được nên chị đã phải đi vay mượn của người thân để trả nợ thay cho anh H, nhưng anh H vẫn không từ bỏ việc chơi cờ, bạc mà ngày càng dần sâu chơi bởi nhiều hơn dần đến trong cuộc sống vợ, chồng thường xuyên xảy ra đánh, cãi, chửi nhau nên vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không được hạnh phúc. Đã nhiều lần anh H cầm dao đe dọa và đánh đập chị. Mâu thuẫn của vợ, chồng xảy ra nghiêm trọng nhất vào ngày 20-10-2019 hôm đó vợ, chồng xô xát với nhau anh H đã dùng dao chém đứt cả 02 ngón tay trong bàn tay trái của chị làm cho chị phải đi Bệnh viện Việt Đức để nối ngón tay. Sau khi xuất viện chị không dám quay về chung sống cùng với anh H nữa mà chị về luôn nhà bố, mẹ đẻ của chị ở xóm Đ, xã T, huyện V để lánh nạn nhưng anh H vẫn không buông tha cho chị, trong thời gian chị ở nhà bố, mẹ đẻ thì anh H lại tiếp tục đến tận nơi quấy phá, chửi bới chị nên giữa chị và anh H đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng với nhau suốt từ thời điểm đó cho đến nay. Chị T xác định mâu thuẫn của vợ, chồng đã kéo dài và đã rất trầm trọng, nếu chị cứ tiếp tục chung sống cùng với anh H thì chị sẽ luôn bị mệt mỏi, căng thẳng về mặt tinh thần và thậm chí là còn bị tổn hại cả đến sức khỏe và tính mạng của chị nên nay chị không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì đối với anh H. Vì vậy mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do đó đời sống chung giữa chị và anh H không thể kéo dài thêm được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H càng sớm càng tốt.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là các cháu Trần Khánh D sinh ngày 23-3-2011 và Trần Duy A, sinh ngày 16-10-2017. Hiện cháu D đang trực tiếp ở cùng với chị còn cháu A đang trực tiếp ở cùng với anh H từ thời điểm vợ, chồng chị sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung của vợ, chồng và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng với chị. Vì lý do anh H hiện nay không còn có đủ điều kiện, khả năng để trực tiếp nuôi con được.

Về tài sản chung: Chị và anh H có 01 thửa đất ở tại Thôn R, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ, chồng chị nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ, chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Nếu vợ, chồng chị không tự thỏa thuận giải quyết được với nhau thì chị sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về tài sản riêng; công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh H không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại đơn đề nghị trong các ngày 04-02-2020 và 03-3-2020 chị T trình bày: Chị được biết tại thời điểm Tòa án thụ lý và tại thời điểm Tòa án Thông báo mở phiên họp và phiên hòa giải lần thứ nhất thì anh H vẫn ở nhà và thường xuyên có mặt tại nơi cư trú và anh H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc lần nào để gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn và gây khó khăn cho Tòa án giải quyết vụ án, vì cứ mỗi lần nhận được văn bản tố tụng của Tòa án thì anh H lại gọi điện cho chị bảo chị rút đơn về và đe dọa chị, ngoài ra anh H còn nói là Tòa án báo đến làm việc. Anh H chỉ vắng mặt tại nơi cư trú từ thời điểm gần tết nguyên đán cho đến nay. Lý do anh H vắng mặt tại nơi cư trú là do anh H nợ tiền của dân xã hội đen mà không có tiền trả nợ được nên họ có đe dọa do đó

anh H đã phải bỏ trốn lên tỉnh Bắc Ninh để làm ăn, sinh sống, nhưng về địa chỉ cụ thể của anh H ở tỉnh Bắc Ninh thì chị không biết. Từ khi bỏ trốn cho đến nay thỉnh thoảng anh H vẫn gọi điện thoại về đe dọa chị và bảo chị rút đơn về, anh H dọa chị là “Nếu mày vẫn cố tình ly hôn và cố tình đòi nuôi cả 02 con mà không để cho anh ấy nuôi 01 con thì anh ấy sẽ giết con đang ở cùng với anh ấy”, ngoài ra anh H còn nói “Tao không về Tòa án làm việc đâu, mày muốn làm gì thì cứ làm”. Vì hiện nay cháu Trần Duy A đang trực tiếp ở cùng với anh H, nếu chị vẫn cứ tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung mà không để cho anh H nuôi 01 con thì sợ rằng anh H sẽ quẫn bách rồi làm liều làm ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe thậm chí là cả đến tính mạng của cháu A nên buộc chị phải để cho anh H nuôi 01 con. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D còn giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nếu sau khi ly hôn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu A mà không đảm bảo được cuộc sống tốt nhất và không đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu A thì chị sẽ làm đơn đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A sau.

Do anh H cố tình vắng mặt nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tiếp về vụ án nữa và vì lý do công việc làm của chị rất bận, chị không thể xin nghỉ để đến Tòa án làm việc các lần tiếp theo được nên chị đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho chị và cho phép chị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tiếp theo cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn anh Trần Quốc H, nhưng anh H không đến Tòa án làm việc lần nào và cũng không có bất cứ ý kiến hay quan điểm gì về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 02-01-2020, cháu Trần Khánh D là con của chị T và anh H trình bày: Nếu bố, mẹ cháu phải ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở cùng với mẹ cháu. Nguyện vọng của cháu muốn được trực tiếp ở cùng với mẹ cháu là do cháu hoàn toàn tự nguyện và không bị ai xúi giục, ép buộc gì.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 24-02-2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc H là vợ, chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 19-3-2010 và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã L. Sau kết hôn chị T và anh H sinh sống tại thôn R, xã L và vợ, chồng đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được đến khoảng năm 2018, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T và anh H tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm; ngoài ra thì còn do anh H chơi bời cò, bạc dẫn đến phải vay mượn tiền của người khác mà không tự trả nợ được nên chị T phải đi vay mượn của người thân để trả nợ thay cho anh H nhưng mà anh H vẫn không từ bỏ cò, bạc nên dẫn đến vợ, chồng thường hay xảy ra đánh, cãi, chửi nhau và đã nhiều lần anh H đánh đập chị T và đặc biệt là vào khoảng tháng 10-2019 anh H đã dùng dao chém đứt cả 02 ngón tay của chị T làm cho chị T phải đi nối ngón tay ở bệnh

viện Việt Đức. Sau khi sự việc xảy ra chị T đã có đơn đề nghị Công an xã L giải quyết và Công an xã đã lập hồ sơ vụ việc nhưng sau đó chị T lại rút đơn nên chính quyền địa phương chưa có bất cứ hình thức xử lý nào đối với anh H về hành vi đó. Sau khi chị T đi nối ngón tay được xuất viện về thì chị T không về chung sống cùng với anh H mà chị ấy đi về luôn quê của chị ấy ở xóm Đ, xã T để ở cho đến nay. Trong thời gian chị T sinh sống ở quê của chị ấy thì anh H còn xuống tận nơi để quây phá, chửi bới chị T nên khả năng vợ, chồng chị T, anh H đoàn tụ với nhau rất là khó.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là các cháu Trần Khánh D, sinh ngày 23-3-2011 và Trần Duy A, sinh ngày 16-10-2017. Hiện cháu D đang trực tiếp ở cùng với chị T, còn cháu A đang trực tiếp ở cùng với anh H. Về điều kiện nuôi con hiện nay của chị T tốt hơn so với điều kiện nuôi con của anh H và với khả năng hiện có của chị T thì chị T có thể trực tiếp nuôi dưỡng được cả 02 con chung.

Về tài sản chung: Chị T và anh H có 01 thửa đất ở tại thôn R, xã L và thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng đất là vợ, chồng chị T, anh H.

Về công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị T và anh H không có khoản nợ chung nào đối với tập thể, còn về nợ cá nhân thì nghe nói là có nhưng cho đến nay cũng chưa thấy có ai có đơn từ gì báo cáo với địa phương.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì anh H vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Nhưng từ thời điểm gần tết nguyên đán năm 2020 cho đến nay thì không thấy anh H và cháu Trần Duy A có mặt tại địa phương nữa. Theo những người dân ở gần nhà với anh H phản ánh thì do anh H có nợ tiền của những người cho vay lãi ngoài xã hội nên họ có đến nhà đe dọa nên anh H sợ hãi đã bỏ trốn khỏi địa phương từ gần tết nguyên đán cho đến nay chưa về, khi bỏ trốn anh H có đưa cả 01 con chung là cháu Trần Duy A đi cùng. Anh H bỏ đi khỏi địa phương không có báo cáo gì nên địa phương không biết được hiện nay anh H và cháu A đang ở đâu và làm gì. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án có gửi cho UBND xã L các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 128/TB-TLVA ngày 26-12-2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA ngày 07-01-2020 để UBND xã tổng đạt cho anh H và UBND xã đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nêu trên của Tòa cho anh H, anh H đã nhận các văn bản tố tụng đó nhưng lại không ký biên bản giao nhận. Về các văn bản tố tụng sau này mà Tòa án đã gửi cho UBND xã để tổng đạt cho anh H thì UBND xã cũng đã cử cán bộ và công an xã nhiều lần xuống tận nơi ở của anh H để tổng đạt, nhưng đều không gặp được anh H nên không tổng đạt cho anh H được và người thân thích của anh H hiện nay không còn có ai sinh sống tại địa phương nên cũng không tổng đạt cho người thân thích của anh H được, vì vậy địa phương đã niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án tại nhà ở của anh H và tại trụ sở UBND xã L theo quy định của pháp luật.

Nay chị T xin ly hôn với anh H, địa phương đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự

Về yêu cầu khởi kiện: Đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Khánh D, sinh ngày 23-3-2011 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Trần Duy A, sinh ngày 16-10-2017 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu D và A trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Xét thấy từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, anh Trần Quốc H là bị đơn trong vụ án vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Trần Quốc H là bị đơn trong vụ án đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của anh H.

[3]. Về quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 19-3-2010 và đã được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị T và anh H đã thỏa mãn đầy đủ những quy định về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

[5]. Về tình trạng của hôn nhân: Xét thấy sau khi chị T và anh H kết hôn với nhau vợ, chồng đã có khoảng thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được 08 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T và anh H tính cách không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm; ngoài ra còn do anh H chơi bời cờ, bạc dẫn đến phải vay mượn tiền của người khác mà không trả nợ

được nên chị T phải đi vay mượn tiền của khác để trả nợ thay cho anh H dẫn đến trong cuộc sống thường ngày vợ, chồng thường hay xảy ra xô xát, đánh, cãi, chửi nhau và vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm, không được hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị T và anh H xảy ra trầm trọng nhất vào tháng 10-2019, khi đó vợ, chồng xô xát với nhau anh H đã dùng dao chém đứt 02 ngón tay của chị T làm cho chị T phải đi Bệnh viện để nối ngón tay. Sau khi được xuất viện thì chị T không dám quay về chung sống cùng với anh H nữa mà chị T đi về luôn nhà bố, mẹ đẻ của mình để ở và vợ, chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng với nhau suốt từ thời điểm đó cho đến nay. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ vợ, chồng giữa chị T và anh H đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét hôn nhân của chị T và anh H nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được do đó đời sống chung giữa chị T và anh H không thể kéo dài thêm được nữa. Vì vậy, việc chị T xin ly hôn với anh H là có căn cứ pháp luật và phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực trạng hôn nhân hiện nay của chị T và anh H. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và xử ly hôn giữa chị T và anh H là phù hợp.

[5]. Về con chung: Xét chị T và anh H có 02 con chung là các cháu Trần Khánh D, sinh ngày 23-3-2011 và Trần Duy A, sinh ngày 16-10-2017. Hiện nay cháu D đang ở cùng với chị T, còn cháu A đang ở cùng với anh H. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, còn đề anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy hiện cả chị T và anh H đều có đủ sức khỏe để lao động kiếm tiền nuôi bản thân và nuôi con nên cả hai người đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con và có thể đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con được tốt nhất; ngoài ra thì cháu D cũng có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở cùng với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị T và anh H mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung sau ly hôn và không buộc bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6]. Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Do chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về phần tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan của vợ, chồng; mặt khác thì cho đến nay anh H cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về phần tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan của vợ, chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Trần Khánh D, sinh ngày 23-3-2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu D trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi chị T và anh H có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật (Hiện cháu D đang trực tiếp ở cùng với chị T).

- Giao cháu Trần Duy A, sinh ngày 16-10-2017 cho anh Trần Quốc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi chị T và anh H có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật (Hiện cháu A đang trực tiếp ở cùng với anh H).

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001882 ngày 16-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

